TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ CẦN THƠ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 51/2018/DSPT
Ngày 17 - 4 - 2018
V/v tranh chấp "Di sản thừa kế"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Lương
Các Thẩm phán: Ông Trần Trí Dũng
Bà Võ Phương Nhi

- Thư ký phiên tòa: Bà Văng Thị Ngọc Yến - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ*:** Ông Nguyễn Văn Phi - Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 12 và ngày 17 tháng 4 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 45/2018/TLPT-DS ngày 22 tháng 02 năm 2018 về tranh chấp "Di sản thừa kế".

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 69/2017/DSST ngày 25 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 63/2018/QĐ-PT ngày 27 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà **Nguyễn Thị A**; Trú tại: Khu vực 2, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của bà Nguyễn Thị A: Ông **Nguyễn Văn H**; Trú tại: Đường Nguyễn Văn Cừ, phường A, quận N, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 19/3/2018).

- *Bị đơn*: Bà **Nguyễn Thị B**; Trú tại: Khu vực 2, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Đại diện hợp pháp: Ông **Nguyễn Văn Đ**; Trú tại: Đường Lê Hồng Phong, phường N, quận T, thành phố Cần Thơ (Văn bản ủy quyền ngày 19/4/2017).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

Bà **Nguyễn Thị E**; Trú tại: Khu vực 2, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

Bà **Nguyễn Thị D**;

Bà **Nguyễn Thị H**; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Khu vực 4, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Bà **Nguyễn Thị K**; Trú tại: Ấp 2, xã T, huyện T, tỉnh Hậu Giang.

Người đại diện hợp pháp của bà K: Bà **Nguyễn Thị P** là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án (Theo văn bản ủy quyền ngày 09/4/2018)

Bà **Nguyễn Thị P**;

Ông **Nguyễn Văn T**;

Cùng trú tại: Khu vực 2, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

- *Người kháng cáo:* Bà **Nguyễn Thị A** là nguyên đơn, bà **Nguyễn Thị D**, bà **Nguyễn Thị P** và ông **Nguyễn Văn T** là những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị A trình bày: Cha mẹ của bà là ông Nguyễn Văn S (mất ngày 19/4/2006) và bà Nguyễn Thị E có 07 người con là bà và bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P. Ông S và bà E khi chung sống đã tạo lập các tài sản gồm:

- Đất ở nông thôn và đất cây lâu năm: 1.310,9 m^2, tại thửa 768, tờ bản đồ 06, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/9/2005 cho ông S và bà E đứng tên, trên đất có căn nhà ngói 03 căn (vách ván, nền đúc, dài 12 mét, ngang 5,5 mét). Nay phần đất này bà Nguyễn Thị B đang sử dụng và đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 19/4/2016.

- Đất trồng lúa: 3.748 m^2, thửa 769, tờ bản đồ 06, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/9/2005 cho ông S và bà E đứng tên. Nay bà Nguyễn Thị B đã đứng tên phần đất này theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ cấp ngày 18/02/2013.

Vào ngày 02/11/1996, ông S và bà E đã lập tờ di chúc tặng cho bà B căn nhà cùng thửa đất số 768 nói trên, đã được Ủy ban nhân dân xã T cũ chứng thực. Đến ngày 30/8/2011 các anh chị em cùng bà E thống nhất lập văn bản thỏa thuận thửa đất số 769, thửa đất 768 và căn nhà trên đất là di sản thờ cúng, giao cho bà B quản lý, không ai được chuyển nhượng, chuyển đổi, cầm cố các tài sản trên; Các di chúc cha mẹ trước đây không có giá trị pháp lý. Tuy nhiên, phía bà B đã làm thủ tục để được đứng tên giấy chứng nhận các phần đất như đã nói trên, nên bà A khởi kiện yêu cầu chia phần di sản do ông S để lại đối với thửa đất số 768 còn căn nhà trên đất, đối với 1/2 diện tích đất thửa 768 và tài sản trên đất của bà E tặng cho bà B thì bà không có ý kiến. Cụ thể bà yêu cầu được chia diện tích đất là 149,3 m^2 và 10.000.000 đồng là giá trị căn nhà theo kết quả đo đạc tại thửa 768, đối với cây do ông S trồng thì ai được chia đất thì được hưởng các cây trồng trên đất đó. Bà còn yêu cầu chia thừa kế thửa đất số 769, như sau đó bà đã rút yêu cầu này. Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn bà không đồng ý.

Bị đơn bà Nguyễn Thị B trình bày: Bà thừa nhận các tài sản trên đều do cha mẹ tạo lập, bà cho rằng ông S đã lập tờ di chúc ngày 02/11/2016 cho bà thửa 768 và căn

nhà trên đất, đến ngày 07/12/2015 bà E đã lập văn bản hủy bỏ phần di chúc liên quan đến các tài sản của bà và đã lập hợp đồng tặng cho 50% quyền sử dụng đất và tài sản trên đất tại thửa 768 cho bà B, nên bà đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa 768 là hợp pháp. Ngoài ra, đối với căn nhà trước đây của ông S để lại đã cũ, nên tháng 8/2016 bà đã sửa chữa lại như hiện trạng đã được thẩm định ngày 30/11/2016 của Tòa án. Đối với văn bản thỏa thuận ngày 30/8/2011 như bà A đã trình bày trên, thì bà có ký tên vào văn bản này nhưng lúc này bà ký tên chỉ nhằm không phát sinh tranh chấp di sản của ông S để lại.

Ngoài ra, bà B có yêu cầu phản tố buộc bà Nguyễn Thị A phải tháo dỡ căn nhà trên thửa 768 và bồi thường thiệt hại về tài sản 4.000.000 đồng để trả lại diện tích đất cho bà là 33,28 m^2, vì căn nhà này trước năm 2011 bà cho bà A cất nhà ở tạm, nay bà A đã có phần đất khác tại thửa 1054 (Phần đất bà A được chia theo Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 75/2011/QĐST-DS ngày 06/9/2011 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ). Trong quá trình giải quyết vụ án bà đã rút yêu cầu về bồi thường thiệt hại tài sản nói trên.

Đối với các cây trồng trên đất là của ông S và bà E, do bà đã được tặng cho nếu Tòa án chấp nhận yêu cầu của ai thì những người này phải bồi hoàn giá trị cây trồng cho bà.

Những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

- *Bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị K, ông Nguyễn Văn T và bà Nguyễn Thị P trình bày*: Thống nhất theo lời trình bày và yêu cầu trên của phía nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, nay bà B có hành vi chiếm đoạt di sản qua việc bà làm thủ tục để được cấp giấy chứng nhận. Nay đều yêu cầu được chia di sản, mỗi người được chia là 149,3 m^2 đất cây lâu năm và 10.000.000 đồng là giá trị căn nhà tại thửa 768.

- *Bà Nguyễn Thị H trình bày*: Bà thống nhất về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản do ông S và bà E tạo lập như nguyên đơn trình bày. Bà có yêu chia thừa kế đối với thửa 768 và căn nhà trên đất, nhưng sau đó đã rút yêu cầu này vì cho rằng phần đất cùng căn nhà trên đất tại các thửa 768 và thửa 769 nói trên đã được cha mẹ cho bà B nên bà không yêu cầu chia. Bà yêu cầu được vắng mặt khi xét xử.

- *Bà Nguyễn Thị E trình bày*: Bà là vợ ông Nguyễn Văn S, bà thống nhất về quan hệ gia đình và nguồn gốc tài sản như nguyên đơn trình bày. Đối với các tài sản của bà tại thửa 769, 768 và căn nhà trên thửa 768 trên bà đã tặng cho bà B nên bà không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đối với phần tài sản do ông S để lại, thì tại tờ di chúc ngày 02/11/1996 ông S đã cho bà B, nên bà B được hưởng các tài sản đang tranh chấp là phù hợp. Bà yêu cầu được vắng mặt khi xét xử.

Các đương sự trong vụ án không tự thỏa thuận được toàn bộ tranh chấp. Tại phiên tòa sơ thẩm bà B thừa nhận việc bà ký tên tại văn bản thỏa thuận ngày 30/8/2011 là tự nguyện nên bà cùng các đương sự thống nhất.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 69/2017/DSST ngày 25/10/2017 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ đã tuyên:

Bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà D, bà K, bà P, ông T về yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất là 149,3 m^2 (CLN) và giá trị căn nhà trên đất tại thửa 768.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị B về yêu cầu bà A tháo dỡ căn nhà trên đất tại thửa 768. Buộc bà A có trách nhiệm tháo dỡ căn nhà của bà trên thửa đất 768 để giao trả cho bà B diện tích đất 33,28 m^2.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 19/4/2016 cho bà Nguyễn Thị B để điều chỉnh lại cho đúng diện tích đất tại thửa 768 qua đo đạc là 2090,3 m^2 và điều chỉnh 50% quyền sử dụng đất tại thửa 768 bà Nguyễn Thị B là người đại diện cho hàng thừa kế của ông S, 50% quyền sử dụng đất còn lại thuộc quyền sử dụng của bà B trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Đương sự tự liên hệ đến cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Căn nhà và các cây trồng thuộc phần di sản của ông S trên đất giao cho bà Nguyễn Thị B quản lý. Phần mộ trên diện tích đất giao cho bà B sẽ do các đương sự cùng thăm nom chăm sóc.

Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia thừa kế diện tích đất tại thửa 769 của nguyên đơn, yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản số tiền 4.000.000 đồng của bị đơn và yêu cầu chia thừa kế tại thửa đất 768 và căn nhà trên đất của bà H, nếu có tranh chấp thì các đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/11/2017 các nguyên đơn bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn T có đơn kháng cáo yêu cầu được chia phần di sản do ông S để lại.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các đương sự vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và yêu cầu kháng cáo. Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Nguyễn Văn Đ tại phiên tòa trình bày tại phiên tòa sơ thẩm ông đã trình bày tự nguyện để lại 50% diện tích tại thửa đất số 768 đang tranh chấp dùng làm di sản thờ cúng nhưng quyền sử dụng vẫn thuộc về bị đơn quản lý sử dụng chứ không phải là tài sản chung của các đồng thừa kế. Riêng bà A trình bày bà chấp nhận tự di dời căn nhà của bà theo như án sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa trình bày, những người tiến hành tố tụng và các đương sự chấp hành đúng pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án. Về nội dung kháng cáo, do di sản tại thửa đất số 768 đã được ông S di chú cho bà Nguyễn Thị B, còn lại 50% phần di sản tại thửa đất này là của bà Nguyễn Thị E thì bà E đã cho bà B. Đối với tờ thỏa thuận ngày 30/8/2011 của các đương sự để lại thửa đất này dùng vào việc thờ cúng là tự nguyện phù hợp với quy định pháp luật nên nội dung đã thỏa thuận có hiệu lực, nên các nguyên đơn yêu cầu chia thừa kế là không phù hợp. Đối với căn nhà của ông S để lại đã cũ hư, cho đến nay bà B đã sửa chữa thêm nên các nguyên đơn căn cứ vào giá trị thực tế để yêu cầu phân chia là không phù hợp. Về căn nhà của bà Nguyễn Thị A trên đất tranh chấp đã cũ hư nay bà A

không còn sử dụng, tại phiên tòa bà cũng chấp nhận tháo dỡ căn nhà này là phù hợp. Bản án sơ thẩm tuyên về 50% diện tích đất của thửa 768 mà bà B tự nguyện dùng làm di sản thờ cúng là phù hợp nhưng chưa xác định được vị trí của phần đất này nhưng do bà B là người quản lý nên không cần phải xác định cụ thể vị trí của phần đất này. Đề nghị sửa phần án phí sơ thẩm cho đúng quy định tại Điều 12 của Pháp lệnh về án phí, áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự bác yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Các đương sự khởi kiện yêu cầu chia thừa kế diện tích đất cùng căn nhà trên đất, Tòa án thụ lý, giải quyết về tranh chấp thừa kế tài sản là đúng quy định tại khoản 5 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Bà Nguyễn Thị E và bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt và đều không có yêu cầu, không kháng cáo nên xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 2 Điều 296 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung kháng cáo: Các bên đã thừa nhận các tài sản của ông S để lại gồm 1.310,9 m^2 (theo đo đạc thực tế là 2.090,3 m^2 đất ODT+CLN), tại thửa 768, tờ bản đồ 06, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp ngày 01/9/2005 cho ông S và bà E đứng tên, trên đất có căn nhà ngói 03 căn (vách ván, nền đúc, dài 12 mét, ngang 5,5 mét) nay căn nhà này không còn do đã cũ và đã được bà Nguyễn Thị B sửa chữa lại để ở từ năm 2016 cho đến nay. Nguồn gốc khối tài sản này do ông Nguyễn Văn S (mất ngày 19/4/2006) cùng vợ là bà Nguyễn Thị E (là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trong vụ án) tạo lập, cho đến nay bà Nguyễn Thị B đang quản lý sử dụng phần đất này. Trên đất còn có các cây trồng do ông S để lại và một ngôi mộ, ngoài ra còn có một căn nhà khung gỗ tạp, vách tôn, nền gạch tàu cùng nền đất của bà Nguyễn Thị A hiện bà A không còn sử dụng. Trong vụ án này, nguyên đơn là người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S yêu cầu chia thừa kế diện tích đất và giá trị căn nhà cùng các cây trồng của ông S để lại nói trên vì cho rằng trước đây ông S và bà E đã di chúc cho bà Btoàn bộ số tài sản này, nhưng sau đó những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S đã thỏa thuận về thửa đất số 769, thửa đất 768 và căn nhà trên đất là di sản thờ cúng, giao cho bà B quản lý, không ai được chuyển nhượng, chuyển đổi, cầm cố các tài sản trên, nhưng bà B đã làm thủ tục để được đứng tên giấy chứng nhận các phần đất trên. Phía bị đơn bà B không chấp nhận chia thừa kế và có yêu cầu phản tố buộc bà A phải tháo dỡ căn nhà trên thửa 768 để trả lại diện tích đất cho bà là 33,28 m^2.

Xét thấy, theo nội dung di chúc ngày 02/11/1996 S và bà E đã để lại cho bà B *"...được thừa hưởng di sản trên do vợ chồng tôi để lại theo luật định. Không ai được quyền ngăn cản và đi ngược lại nội dung tờ di chúc này ..."* đối với phần đất và căn nhà trên đất thuộc thửa đất số 768. Nội dung di chúc còn ghi nhận *" Các con tôi, đa số đã ra riêng và đã được chia rồi mỗi đứa 2 công đất ruộng đầy đủ, ai cũng có phần ăn riêng."*, di chúc được chính quyền địa phương xác nhận và các bên đương sự đều thừa nhận có di chúc này, nên bà B đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 19/4/2016. Đến ngày 30/8/2011 bà E và bà B cùng những người thuộc hàng thừa kế của ông S lập "Tờ thỏa thuận chia di sản thừa kế", với nội dung thống nhất toàn bộ số tài sản trong di chúc trên và cả diện tích thửa đất 769 *"là di sản thờ*

cúng ... giao cho bà B quản lý .... Các di chúc cha mẹ trước đây không có giá trị pháp lý ...”, tờ thỏa thuận này có các đương sự ký tên nhưng không công chứng, chứng thực. Tuy nhiên, cùng ngày 30/8/2011 giữa các đương sự này đã hòa giải thành trong vụ án chia di sản thừa kế về thửa đất 1054 và thửa đất số 769 trong tờ thỏa thuận ngày 30/8/2011 nói trên (Tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận giữa các đương sự số 75/2011/QĐST-DS ngày 06/9/2011 của Tòa án nhân dân quận N, thành phố Cần Thơ), trong đó bà E là nguyên đơn, các bị đơn là bà A, bà B, bà D, bà H và bà K, theo nội dung quyết định này thì bà A được sử dụng thửa 1054 và bà E được sử dụng thửa 769 là thửa đất trong tờ thỏa thuận di sản thờ cúng nói trên. Đến ngày 27/4/2016 bà Nguyễn Thị E (vợ của ông S) tiếp tục lập hợp đồng tặng cho bà B phần 50% phần diện tích đất tại thửa 768 của bà, nên bà B đã được Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất này ngày 19/4/2016 là thửa đất đang tranh chấp. Như vậy, khối tài sản tranh chấp là phần tài sản của ông S để lại là 50 % diện tích đất và căn nhà trên thửa đất 768 mà những người thuộc hàng thừa kế thứ nhất của ông S trong đó có cả bị đơn là bà B đã thống nhất thỏa thuận để phần tài sản này làm di sản thờ cúng và giao cho bà B quản lý, thỏa thuận này là tự nguyện, không trái đạo đức xã hội. Đối với căn nhà của ông S để lại, do nhà đã cũ nên bà B đã sửa chữa lại để ở cho đến nay các đương sự chỉ căn cứ theo giá trị nhà hiện tại để yêu cầu chia thừa kế giá trị căn nhà này là không phù hợp. Vì vậy, bản án sơ thẩm đã bác yêu cầu chia thừa kế phần diện tích đất và giá trị căn nhà của ông S để lại tại thửa đất số 768 là phù hợp theo quy định tại Điều 4, Điều 670 và Điều 686 của Bộ luật dân sự. Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của các đương sự.

[3]. Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện theo ủy quyền của bị đơn bà B trình bày tự nguyện để lại 50% diện tích đất tại thửa đất 768 dùng làm di sản thờ cúng, bản án sơ thẩm đã tuyên kiến nghị đến cơ quan có thẩm quyền *“... điều chỉnh 50% quyền sử dụng đất tại thửa 768 bà B là đại diện cho hàng thừa kế của ông S, 50% quyền sử dụng đất còn lại thuộc quyền sử dụng của bà B trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.”* và cho đến nay bà B và các đương sự cũng không có kháng cáo về nội dung này. Việc phân định theo tỷ lệ như trên là khó xác định vị trí của các phần đất trên thực tế. Tuy nhiên, bà B cũng đồng thời là người quản lý đất nên không cần thiết phải xác định cụ thể về vị trí của các phần đất này.

[4]. Về án phí sơ thẩm đối với yêu cầu chia di sản thừa kế: Theo quy định tại Điều 48 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án; khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009; Điều 12 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13/6/2012 hướng dẫn một số quy định của pháp lệnh về án phí Tòa án, thì các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Nên sửa án sơ thẩm theo quy định này

[5]. Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các đương sự có kháng cáo phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án. Do thời điểm kháng cáo và nộp tiền tạm ứng án phí phúc thẩm là sau ngày Nghị quyết trên có hiệu lực pháp luật và số tiền mỗi người đã nộp là 200.000 đồng, nên mỗi người phải nộp thêm 100.000 đồng án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 điều 6 và Điều 47 của Nghị định nói trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 2 Điều 27, khoản 1 Điều 29, Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 về án phí Tòa án; khoản 7 Điều 27 của Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án số 10/2009/UBTVQH12, ngày 27/02/2009; Điều 12 của Nghị quyết số 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13/6/2012 hướng dẫn một số quy định của pháp lệnh về án phí Tòa án.

Tuyên xử: Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn T. Giữ nguyên bản án sơ thẩm về nội dung, sửa một phần bản án sơ thẩm về án phí.

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị A và yêu cầu của những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn T về yêu cầu chia di sản thừa kế diện tích đất là 149,3 m^2 (CLN) trong tổng diện tích thực tế là 2.090,3 m^2 tại thửa đất số 768 (ODT: 300 m^2, CLN: 1.878,9 m^2), tờ bản đồ 06 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cấp ngày 19/4/2016 đã cấp cho bà Nguyễn Thị B đứng tên và yêu cầu chia giá trị căn nhà trên đất là 10.000.000 đồng vì không có cơ sở.

Chấp nhận yêu cầu phản tố của bị đơn bà Nguyễn Thị B về yêu cầu bà Nguyễn Thị A phải tháo dỡ căn nhà trên thửa đất số 768 nói trên. Buộc bà Nguyễn Thị A phải có trách nhiệm tháo dỡ căn nhà của bà trên thửa đất số 768 để giao trả cho bà B phần đất diện tích 33,28 m^2 thuộc thửa 768, tờ bản đồ số 6 tại khu vực 2, phường T, quận N, thành phố Cần Thơ.

Kiến nghị Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ thu hồi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố Cần Thơ cấp ngày 19/4/2016 cho bà Nguyễn Thị B để điều chỉnh lại đúng diện tích đất thực tế tại thửa đất 768 qua đo đạc là 2.090,3 m^2 và điều chỉnh 50% quyền sử dụng đất tại thửa 768 bà Nguyễn Thị B là đại diện cho hành thừa kế của ông S, 50% quyền sử dụng đất còn lại thuộc quyền sử dụng của bà B trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định pháp luật.

Vị trí, kích thước của phần đất tranh chấp nói trên được xác định theo Bản trích đo địa chính số 10/TTKTTNMT, ngày 20/02/2016 của Trung tâm Kỹ thuật Tài nguyên và Môi trường, thành phố Cần Thơ (Đính kèm).

Căn nhà và các cây trồng thuộc phần di sản của ông S trên đất tranh chấp giao cho bà Nguyễn Thị B tiếp tục quản lý. Phần mộ trên diện tích đất giao cho bà B sẽ do các đương sự cùng thăm nom chăm sóc.

Đương sự phải tự liên hệ với cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục điều chỉnh, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật.

Đình chỉ giải quyết vụ án đối với các yêu cầu yêu cầu chia thừa kế diện tích tại thửa đất số 769 của nguyên đơn, yêu cầu bồi thường thiệt hại tài sản số tiền

4.000.000 đồng của bị đơn và đối với yêu cầu chia thừa kế diện tích đất tại thửa 768 và căn nhà trên đất của bà Nguyễn Thị H.

Về chi phí thẩm định và định giá tài sản: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị A phải chịu số tiền là 4.400.000 đồng (Bốn triệu bốn trăm ngàn đồng). Bà A đã nộp số tiền này và đã chi xong.

Án phí dân sự sơ thẩm: Các đương sự không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu chia di sản thừa kế. Bà Nguyễn Thị K, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn T mỗi người được nhận lại tiền tạm ứng đã nộp là 1.180.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi ngàn đồng) theo các biên lai số 002050, 002047, 002048 và 002049 cùng ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị A phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu phản tố của bị đơn là 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng đã nộp là 1.618.000 đồng theo biên lai số 003136, ngày 03/10/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ. Bà A được nhận lại số tiền còn lại là 1.418.000 (Một triệu bốn trăm mười tám ngàn đồng).

Bà Nguyễn Thị H được nhận lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 1.180.000 đồng (Một triệu một trăm tám mươi ngàn đồng) theo biên lai số 002052, ngày 05/4/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Bà Nguyễn Thị B được nhận lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 878.000 đồng (Tám trăm bảy mươi tám ngàn đồng) theo biên lai số 002025, ngày 27/3/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị A, bà Nguyễn Thị D, bà Nguyễn Thị P và ông Nguyễn Văn T mỗi người phải nộp là 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng của mỗi người đã nộp là 200.000 đồng theo các biên lai số 003543, 003545, 003544 và 003546 cùng ngày 09/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận N, thành phố Cần Thơ. Bà A, bà D, bà P và ông T mỗi người còn phải nộp 100.000 đồng (Một trăm ngàn đồng) tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định thi hành theo quy định Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử phúc thẩm công khai, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Nguyễn Duy Lương

***Nơi nhận*:**
- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- Tòa án Q-N;
- THA.DS-Q. N;
- Lưu hồ sơ vụ án.